

Tăng tỷ trọng

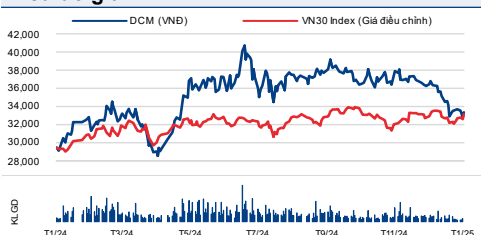
Giá mục tiêu: VNĐ43,900

Tiềm năng tăng/giảm: 31.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/1/2025)	33,350
Mã Bloomberg	DCM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	28,565-40,700
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	33,288
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	17,655
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	705
Slg CP lưu hành (tr.đv)	529
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	259
Slg CP NN được mua (tr.đv)	222
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.02%
Tỷ lệ freefloat	14.4%
Cổ đông lớn	PVN (75.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	12,571	12,505	12,299
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,788	1,733	1,883
LNTT (tỷ đồng)	1,255	1,579	1,652
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,109	1,389	1,469
FCF (tỷ đồng)	1,769	397	1,581
EPS ĐC (đồng)	2,095	2,624	2,776
DPS (đồng)	2,000	2,000	1,500
BVPS (đồng)	18,768	19,129	20,127
T.trưởng EBITDA (%)	(68.9)	(3.11)	8.69
T.trưởng EPS ĐC (%)	(74.3)	25.3	5.80
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	0	(25.0)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.2	13.9	15.3
Tỷ suất LNTT (%)	9.98	12.6	13.4
Tỷ suất LNT ĐC (%)	8.82	11.1	11.9
Tỷ lệ LN trả CT (%)	95.5	76.2	54.0
Nợ thuần/VCSH (%)	(14.2)	(11.1)	(15.3)
ROAE (%)	10.8	13.8	14.1
ROACE (%)	6.41	11.5	11.9
EV/doanh thu (lần)	0.64	0.72	0.65
EV/EBITDA ĐC (lần)	4.48	5.19	4.24
P/E ĐC (lần)	15.9	12.7	12.0
P/B (lần)	1.78	1.74	1.66
Lợi suất cổ tức (%)	6.00	6.00	4.50

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DCM là công ty sản xuất phân đạm urea hạt đục duy nhất tại Việt Nam. DCM hiện đang chiếm 30% thị phần trên thị trường urea nội địa.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng

kim.thong@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng

my.th@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q4/2024: KQKD sát với dự báo

- Doanh thu thuần Q4/2024 tăng 18,2% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ doanh thu mạnh mẽ của NPK sau khi mua lại KVF và doanh thu phân bón nhập khẩu. Trong khi đó, lợi nhuận thuần giảm 42,8% so với cùng kỳ xuống 282 tỷ đồng, do tỷ suất lợi nhuận gộp bị thu hẹp.
- Tính chung cả năm 2024, lợi nhuận thuần đạt 1.333 tỷ đồng, tăng trưởng 20,2%, chủ yếu nhờ thu nhập không thường xuyên trong khi doanh thu thuần đạt 13.456 tỷ đồng, tăng trưởng 7%. KQKD công bố nhìn chung sát với dự báo của HSC.
- DCM đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,9 lần, cao hơn 0,4 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 9,9 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2024

KQKD Q4/2024 của DCM khá trái chiều với lợi nhuận thuần đạt 282 tỷ đồng, giảm 42,8% so với cùng kỳ, trong khi doanh thu thuần đạt 4.214 tỷ đồng, tăng 18,2% so với cùng kỳ. Sự tăng trưởng doanh thu thuần chủ yếu đến từ mức tăng trưởng 36% so với cùng kỳ trong doanh thu NPK, sau khi mua lại Công ty Phân bón Hàn-Việt (KVF), và mức tăng trưởng 49,5% so với cùng kỳ trong doanh thu sản phẩm nhập khẩu. Trong khi đó, sự sụt giảm lợi nhuận thuần là do tỷ suất lợi nhuận gộp bị thu hẹp xuống mức 16,1% so với 24,3% trong Q4/2023.

So với Q3/2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần lần lượt tăng 60% và 135% nhờ chi phí khí giảm và sản lượng tiêu thụ urê tăng.

Tính chung cả năm 2024, doanh thu thuần đạt 13.456 tỷ đồng, tăng trưởng 7%, trong khi lợi nhuận thuần đạt 1.333 tỷ đồng, tăng trưởng 20,2%, chủ yếu nhờ khoản thu nhập không thường xuyên 168 tỷ đồng từ việc định giá lại thương vụ mua lại KVF. Nếu không tính đến khoản thu nhập không thường xuyên này, lợi nhuận thuần năm 2024 đạt 1.165 tỷ đồng, tăng trưởng 5%. KQKD công bố đạt 107% và 96% dự báo của HSC về doanh thu và lợi nhuận thuần, nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 25/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024 & cả năm 2024, DCM

Tỷ đồng	Q4/23	Q4/24	% so với cùng kỳ	2023	2024	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	3,566	4,214	18.2%	12,571	13,456	7.0%
Giá vốn hàng bán	(2,700)	(3,534)	30.9%	(10,539)	(11,071)	5.0%
Lợi nhuận gộp	866	680	-21.5%	2,032	2,385	17.4%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	24.3%	16.1%		16.2%	17.7%	
Lợi nhuận HĐ tài chính	96	94	-2.0%	550	307	-44.1%
Chi phí QL&BH	(426)	(461)	8.4%	(1,349)	(1,442)	6.9%
Chi phí QL&BH/Doanh thu (%)	11.9%	11.0%		10.7%	10.7%	
Lợi nhuận khác	1	8	535.0%	22	199	784.1%
LNTT	537	320	-40.5%	1,255	1,449	15.4%
LNST	492	286	-41.9%	1,110	1,341	20.8%
Lợi nhuận thuần	493	282	-42.8%	1,109	1,333	20.2%
Lợi nhuận thuần 'cốt lõi'	493	282	-42.8%	1,109	1,165	5.1%

Nguồn: DCM

Doanh thu được thúc đẩy nhờ mảng NPK và phân bón nhập khẩu

Xét theo sản phẩm chính, doanh thu urê trong Q4/2024 tăng nhẹ 3% so với cùng kỳ đạt 2.177 tỷ đồng, với mức tăng 20% so với cùng kỳ về giá bán bình quân bù đắp cho mức giảm 14,4% so với cùng kỳ về sản lượng tiêu thụ. Doanh thu NPK tăng 35,8% so với cùng kỳ đạt 884 tỷ đồng, chủ yếu nhờ doanh thu hợp nhất từ KVF. Doanh thu phân bón nhập khẩu đạt 1.038 tỷ đồng, tăng 49,5% so với cùng kỳ, được hỗ trợ bởi mức tăng 45% so với cùng kỳ của giá bán bình quân.

Tính chung cả năm 2024, doanh thu urê đạt 7.699 tỷ đồng, giảm 8% so với cùng kỳ, do sản lượng tiêu thụ giảm 14% mặc dù giá bán bình quân tăng khoảng 7% so với năm trước. Doanh thu NPK tăng trưởng mạnh 61% đạt 2.716 tỷ đồng sau khi mua lại KVF. Doanh thu phân bón nhập khẩu tăng trưởng 17%, chủ yếu nhờ sản lượng tiêu thụ tăng trưởng 15,8%.

Tỷ suất lợi nhuận thấp của mảng NPK kéo giảm tỷ suất lợi nhuận gộp bình quân

Lợi nhuận gộp bình quân Q4/2024 giảm mạnh 21,5% so với cùng kỳ xuống 680 tỷ đồng, dẫn đến tỷ suất lợi nhuận gộp bình quân chỉ đạt 16,1% so với mức 24,3% trong Q4/2023.

Tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng urê đạt 29,6%, giảm so với mức 36,2% trong Q4/2023, do sản lượng tiêu thụ giảm 14,4% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận gộp Q4/2024 của mảng urê đã cải thiện so với mức 20,6% trong Q3/2024, chủ yếu nhờ sản lượng tiêu thụ tăng 74,8% so với cùng kỳ.

Trong khi đó, tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng NPK chỉ đạt 5,7% so với mức 17% trong Q4/2023 và 27,4% trong Q3/2024, có thể do việc hợp nhất với KVF vì công ty này vẫn đang lỗ nhẹ.

Tính chung cả năm 2024, tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 17,7% so với mức 16,2% trong năm 2023, có thể nhờ chi phí đầu vào khí thấp hơn sau khi giá dầu Brent giảm.

Doanh thu HĐ tài chính giảm, chi phí quản lý & bán hàng tăng nhẹ

Lợi nhuận tài chính Q4/2024 đạt 94 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ. Tính chung cả năm 2024, lợi nhuận tài chính đạt 307 tỷ đồng, giảm 44%.

Trong khi đó, chi phí quản lý & bán hàng trong Q4/2024 tăng 8,4% so với cùng kỳ lên 461 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng trên doanh thu là 11% so với mức 11,9% trong Q4/2024. Tính chung cả năm 2024, chi phí quản lý & bán hàng đạt 1.442 tỷ đồng, tăng 6,9% so với cùng kỳ và tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng trên doanh thu không đổi ở mức 10,7%.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC hiện giữ nguyên dự báo cho năm 2025 với doanh thu thuần đạt 12.299 tỷ đồng (giảm 8,6%) và lợi nhuận thuần đạt 1.469 tỷ đồng (tăng trưởng 10,2%).

DCM đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,9 lần, cao hơn 0,4 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 9,9 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	15,925	12,571	12,505	12,299	12,393
Lợi nhuận gộp	5,703	2,032	2,464	2,714	2,736
Chi phí BH&QL	(1,351)	(1,349)	(1,404)	(1,386)	(1,396)
Thu nhập khác	3.17	22.5	191	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	4,356	705	1,251	1,329	1,339
Lãi vay thuần	241	550	329	323	326
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LN TT	4,596	1,255	1,579	1,652	1,665
Chi phí thuế TNDN	(275)	(145)	(182)	(173)	(175)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(5.13)	(1.25)	(8.38)	(8.87)	(8.94)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	4,316	1,109	1,389	1,469	1,481
Lợi nhuận thuần ĐC	4,316	1,109	1,389	1,469	1,481
EBITDA ĐC	5,754	1,788	1,733	1,883	1,909
EPS (đồng)	8,153	2,095	2,624	2,776	2,798
EPS ĐC (đồng)	8,153	2,095	2,624	2,776	2,798
DPS (đồng)	3,000	2,000	2,000	1,500	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	2,126	2,284	2,310	2,769	3,585
Đầu tư ngắn hạn	6,812	8,242	7,418	7,789	8,178
Phải thu khách hàng	188	366	317	313	314
Hàng tồn kho	2,283	2,161	2,469	2,155	2,176
Các tài sản ngắn hạn khác	216	452	194	185	186
Tổng tài sản ngắn hạn	11,624	13,504	12,708	13,212	14,440
TSCĐ hữu hình	2,193	1,338	1,695	1,404	1,090
TSCĐ vô hình	47.2	350	348	345	341
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	303	45.1	33.4	31.8	32.1
Tổng tài sản dài hạn	2,543	1,733	2,076	1,780	1,463
Tổng cộng tài sản	14,167	15,238	14,784	14,992	15,903
Nợ ngắn hạn	2.56	846	848	848	848
Phải trả người bán	1,028	1,989	1,589	1,517	1,528
Nợ ngắn hạn khác	1,665	1,585	1,182	955	987
Tổng nợ ngắn hạn	2,874	4,517	3,840	3,679	3,738
Nợ dài hạn	1.05	2.96	180	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	686	754	601	612	653
Tổng nợ dài hạn	687	757	781	612	653
Tổng nợ phải trả	3,561	5,275	4,621	4,292	4,390
Vốn chủ sở hữu	10,576	9,936	10,127	10,655	11,459
Lợi ích cổ đông thiểu số	29.1	27.6	36.0	44.8	53.8
Tổng vốn chủ sở hữu	10,605	9,963	10,163	10,700	11,513
Tổng nợ phải trả và VCSH	14,167	15,238	14,784	14,992	15,903
BVPS (đ)	19,978	18,768	19,129	20,127	21,646
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(2,122)	(1,436)	(1,282)	(1,921)	(2,736)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	4,356	705	1,251	1,329	1,339
Khấu hao	(1,398)	(1,083)	(482)	(555)	(570)
Lãi vay thuần	241	550	329	323	326
Thuế TNDN đã nộp	(275)	(145)	(182)	(173)	(175)
Thay đổi vốn lưu động	(688)	963	(245)	178	75.2
Khác	700	(844)	(400)	(370)	(402)
LCT thuần từ HKKD	5,732	2,313	1,234	1,842	1,733
Đầu tư TS dài hạn	(147)	(544)	(836)	(261)	(253)
Góp vốn & đầu tư	(12,260)	(13,920)	824	(371)	(389)
Thanh lý	3.14	0	0	0	0
Khác	10,019	12,995	387	381	383
LCT thuần từ HĐĐT	(2,385)	(1,469)	375	(251)	(259)
Cổ tức trả cho CSH	(948)	(1,590)	(1,059)	(794)	(529)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(683)	836	(524)	(337)	(129)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,631)	(754)	(1,583)	(1,132)	(659)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	428	2,126	2,284	2,310	2,769
LCT thuần trong kỳ	1,716	89.8	25.7	459	816
Ảnh hưởng của tỷ giá	(17.8)	69.0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,126	2,284	2,310	2,769	3,585
Dòng tiền tự do	5,585	1,769	397	1,581	1,480

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	35.8	16.2	19.7	22.1	22.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	36.1	14.2	13.9	15.3	15.4
Tỷ suất LNT (%)	27.1	8.82	11.1	11.9	12.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	5.99	11.5	11.5	10.5	10.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	61.3	(21.1)	(0.52)	(1.65)	0.76
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	78.7	(68.9)	(3.11)	8.69	1.38
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	137	(74.3)	25.3	5.80	0.81
Tăng trưởng EPS (%)	137	(74.3)	25.3	5.80	0.81
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	137	(74.3)	25.3	5.80	0.81
Tăng trưởng DPS (%)	275	(33.3)	0	(25.0)	(33.3)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	36.8	95.5	76.2	54.0	35.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	47.9	10.8	13.8	14.1	13.4
ROACE (%)	45.4	6.41	11.5	11.9	11.4
Vòng quay tài sản (lần)	1.26	0.85	0.83	0.83	0.80
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.32	3.28	0.99	1.39	1.29
Số ngày tồn kho	81.5	74.8	89.8	82.1	82.3
Số ngày phải thu	6.72	12.7	11.5	11.9	11.9
Số ngày phải trả	36.7	68.9	57.8	57.8	57.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(19.1)	(14.2)	(11.1)	(15.3)	(21.3)
Nợ/tài sản (%)	0.78	5.72	8.01	7.63	7.20
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.02	0.49	0.68	0.61	0.60
Chỉ số TT hiện thời (lần)	4.04	2.99	3.31	3.59	3.86
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.55	0.64	0.72	0.65	0.55
EV/EBITDA ĐC (lần)	1.52	4.48	5.19	4.24	3.56
P/E (lần)	4.09	15.9	12.7	12.0	11.9
P/E ĐC (lần)	4.09	15.9	12.7	12.0	11.9
P/B (lần)	1.67	1.78	1.74	1.66	1.54
Lợi suất cổ tức (%)	9.00	6.00	6.00	4.50	3.00

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn